TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Bùi Xuân Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các Đ sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KA, huyện U, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp KH, xã KB, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn năm 2009 và có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh Đ không quan tâm đến gia đình, vợ con, thường xuyên đánh đập chị và lo ăn chơi, tụ tập rồi phạm tội. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Quá trình chung sống chị và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Huyền T, sinh ngày 09/6/2010 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật số tiền 1.000.000đ/tháng. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung của vợ chồng là không có.

- Tại biên bản hòa giải ngày 06/02/2020 bị đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn như chị Q

trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Q trình bày không đúng vì anh có lo cho vợ con cuộc sống đầy đủ, không có thường xuyên đánh đập chị Q, nhưng chỉ có 01 lần duy nhất tại Bệnh viện Đa khoa Cà Mau anh điện thoại cho chị Q không nghe máy, anh tìm và gặp chị Q trong bệnh viện và lôi ra ngoài và không có đánh chị Q. Ngoài ra, khi cự cải thì anh có nóng tính đập phá đồ đạc trong nhà nhưng thời gian đã lâu. Nay anh còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống có 01 con chung như chị Q trình bày là đúng. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị Q nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung của vợ chồng là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đ đã được Tòa án triệu tập tham phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Q và anh Đ tự nguyện kết hôn năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KA, huyện U, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/5/2009 nên mối quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn chị Q trình bày là có, thực tế đã xảy ra như: Vào năm 2010 và năm 2013 anh Đ bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời kết án về tội trộm cắp tài sản; ngày 16/01/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời kết án 02 năm tù về tội cố ý gây thương tích và trong thời gian này anh Đ có hành vi tạt nước sôi vào người chị Q, bị Ủy ban nhân dân xã KA xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 14/01/2020. Ngoài ra, quá trình chung sống anh Đ có hành vi đập phá tài sản trong gia đình. Như vậy, trong quá trình chung sống anh Đ có nhiều hành vi bạo lực gia đình đối với chị Q, điều này cho thấy anh Đ là người đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không còn đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Do đó, nay chị Q yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung Nguyễn Huyền T, sinh ngày 09/6/2010. Anh chị thỏa thuận giao con cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trân. Do đó, cần giao con cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Đối chiếu điều luật trên, xét thấy anh Đ không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Q là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi theo quy định pháp luật mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 25/02/2020 theo yêu cầu của chị Q là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung anh chị không yêu cầu phân chia và nợ chung là không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chị Q và anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q. Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huyền T, sinh ngày 09/6/2010 cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, một tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 25/02/2020.

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị Q phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003129 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con buộc anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đ sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đ sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã KA, huyện U, tỉnh Cà Mau (Nơi ĐKKH);
- Đ sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên